**NHÓM 1:**

**Lào Cai: Đỗ Anh Tuấn, Đào Hải Nam.**

**Hà Giang: Trần Thị Ngọc, Đỗ Thị Thu Hường.**

**Sơn La: Đào Thị Phương, Cầm Huyền Anh**

**Điện Biên: Vi Thị Loan, Trần Thế Dũng.**

1. **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Hệ thức lượng trong tam giác. Vectơ (08 tiết)** | *Hệ thức lượng trong tam giác. Định lí côsin. Định lí sin. Công thức tính diện tích tam giác. Giải tam giác*  *(4 tiết)* | 1-3 |  | 4-6 | TL1 |  |  |  |  | 17% |
| *Tích của một số với một vecto và tích vô hướng (4 tiết)* |  |  | 7-10 |  | 11 | TL3 | 0 | 0 | 15% |
| **2** | **Hàm số và đồ thị (15 tiết)** | *Khái niệm cơ bản về hàm số và đồ thị (5 tiết)* | 12-16 |  | 17-19 | TL2 | 20 | TL4 |  |  | 28% |
| *Hàm số bậc hai, đồ thị hàm số bậc hai và ứng dụng (2 tiết)* | 21-24 |  | 25-26 |  |  |  |  | TL6 | 17% |
| *Dấu của tam thức bậc hai. Bất phương trình bậc hai một ẩn (6 tiết)* | 27-29 |  | 30-32 |  | 33 | TL5 |  |  | 19% |
| *Phương trình quy về phương trình bậc hai (2 tiết)* |  |  |  |  | 34-35 |  |  |  | 4% |
| **Tổng** | | | **15** | **0** | **15** | **2** | **5** | **3** | **0** | **1** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **40%** | | **25%** | | **5%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

**2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN - LỚP 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Hệ thức lượng trong tam giác. Vectơ (08 tiết)** | *Hệ thức lượng trong tam giác. Định lí côsin. Định lí sin. Công thức tính diện tích tam giác. Giải tam giác*  *(4 tiết)* | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ 0° đến 180°.  ***Thông hiểu:***  – Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ 0° đến 180° bằng máy tính cầm tay.  – Giải thích được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau.  – Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí côsin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác.  ***Vận dụng:***  – Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...).  ***Vận dụng cao:***  - Vận dụng được cách giải tam giác vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. | Câu 1  Câu 2  Câu 3 | Câu 4  Câu 5  Câu 6  **Câu 1 (TL)** |  |  |
| *Tích của một số với một vecto và tích vô hướng (4 tiết)* | ***Thông hiểu:***  – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tổng và hiệu hai vectơ, tích của một số với vectơ, tích vô hướng của hai vectơ)  - Mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ.  ***Vận dụng:***  – Sử dụng được vectơ và các phép toán trên vectơ để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...).  – Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).  ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. |  | Câu 7  Câu 8  Câu 9  Câu 10 | Câu 11  **Câu 3 (TL)** |  |
| 2 | **Hàm số và đồ thị (15 tiết)** | *Khái niệm cơ bản về hàm số và đồ thị (5 tiết)* | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số.  ***Thông hiểu:***  – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số.  – Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến.  ***Vận dụng:***  – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền *y* (phải trả) theo số phút gọi *x* đối với một gói cước điện thoại,...).  ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. | Câu 12  Câu 13  Câu 14  Câu 15  Câu 16 | Câu 17  Câu 18  Câu 19  **Câu 2 (TL)** | Câu 20  **Câu 4 (TL)** |  |
| *Hàm số bậc hai, đồ thị hàm số bậc hai và ứng dụng (2 tiết)* | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được các tính chất cơ bản của Parabola như đỉnh, trục đối xứng.  – Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị.  ***Thông hiểu:***  – Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc hai.  – Giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị.  ***Vận dụng:***  – Vẽ được Parabola (*parabol*) là đồ thị hàm số bậc hai.  – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết  một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: xác định độ cao của cầu, cổng có hình dạng Parabola,...).  ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết  một số bài toán thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. | Câu 21  Câu 22  Câu 23  Câu 24 | Câu 25  Câu 26 |  | **Câu 6 (TL)** |
| *Dấu của tam thức bậc hai. Bất phương trình bậc hai một ẩn (6 tiết)* | ***Thông hiểu:***  – Giải thích được định lí về dấu của tam thức bậc hai từ việc quan sát đồ thị của hàm bậc hai.  ***Vận dụng:***  – Giải được bất phương trình bậc hai.  – Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...).  ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. | Câu 27  Câu 28  Câu 29 | Câu 30  Câu 31  Câu 32 | Câu 33  **Câu 5 (TL)** |  |
| *Phương trình quy về phương trình bậc hai (2 tiết)* | ***Vận dụng:***  – Giải được phương trình chứa căn thức có dạng:  ; |  |  | Câu 34  Câu 35 |  |
| **Tổng** | | |  | **15** | **17** | **8** | **1** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **30%** | **40%** | **25%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |